

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:104/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-09-2020

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hưng

2. Ông Hoàng Việt Oanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:45/2020/HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh T– sinh năm:1975(Có mặt)

-Bị đơn: Ông Trần Đình K– sinh năm: 1964(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 102/22/10 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T trình bày:

Tôi và ông Trần Đình K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/7/2011. Khi cưới ông K thì ông K đã có vợ con nhưng đã ly hôn.

Quá trình chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, chửi bới lẫn nhau. Ông K vào hòa với chị em chồng chửi bới nhục mạ tôi nhiều lần, khoảng 04 năm nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, sống chung nhà mạnh ai người đấy sống, không nói chuyện với nhau vợ chồng sống mà như

người dung. Nay tôi xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông K.

-Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung: Cháu Trần Võ Hoàng L- sinh ngày: 24/01/2012. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi là được nuôi con chung đến tuổi thành niên vì tôi có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Trần Đình K: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông K không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà Võ Thị Thanh T vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Trần Đình K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà T và ông K có đăng ký kết hôn và sinh sống tại phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; qua xác minh thì được chính quyền địa phương thì được biết: Ông Trần Đình K vẫn đang cư trú ở tại 102/22/10 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do đó thẩm quyền giải quyết ly hôn là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 20 tháng 8 năm 2020. Tại phiên tòa hôm nay, ông K vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định.

[2]. Hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp; trong thời gian chung sống, vợ chồng bà T và ông K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà T yêu cầu Tòa án xin ly hôn chứng tỏ giữa bà T và ông K không còn thương yêu, gắn bó với nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, giữa bà T và ông K không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà T và ông K là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T và cho bà T được ly hôn với ông K.

-Về con chung: Bà T ông K có 01 con chung là: Cháu Trần Võ Hoàng L- sinh ngày: 24/01/2012. Khi ly hôn nguyện vọng bà T là được nuôi con chung đến tuổi thành niên vì bà T cho rằng có đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Nguyện vọng của cháu Trần Võ Hoàng L cũng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Xét nguyện vọng của bà T và cháu L là chính đáng nên cần giao cháu Trần Võ Hoàng L cho bà Võ Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông K tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông K tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Đình K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Hoàng L- sinh ngày: 24/01/2012 cho bà Võ Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

Ông Trần Đình K được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị Thanh T và ông Trần Đình K tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Võ Thị Thanh T và ông Trần Đình K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0005718 ngày 15/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Trần Đình K không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND P. Tụ An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ